

**TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI**

**NIỀM TIN VÀ THỰC HÀNH TÔN GIÁO  
CỦA TÍN ĐỒ CÔNG GIÁO Ở PHILIPPIN**

**QUA HAI CUỘC ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC TÔN GIÁO**

Tháng 7-1991 và tháng 12-1998

NGUYỄN HỒNG VÂN<sup>(\*)</sup>

**P**hilippin là một nước có số giáo dân và tỉ lệ giáo dân Công giáo so với tổng số dân cao nhất Châu Á. Tính đến thời điểm 31/12/1998, tình hình Giáo hội Công giáo Philippin như sau: tổng giáo phận: 16; giáo phận: 50; hạt phủ đoàn: 06; hạt đại diện tông toà: 7; hạt đại diện quân đội: 1; hồng y: 01; tổng giám mục: 16; giám mục: 94; giáo xứ: 2703; linh mục: 7.112 (gồm 4.740 linh mục triều, 2372 linh mục dòng); phó tế vĩnh viễn: 111; chủng sinh: 7.781; nam tu sĩ: 1.167; nữ tu sĩ: 10.369; giáo lý viên: 84.019; rửa tội: 1.370.105; dân số công giáo: 61.814.000 (chiếm 82%); tổng dân số: 75.150.000<sup>(1)</sup>.

Tháng 7/1991 và tháng 12/1998, các Trạm Khảo sát không khí xã hội (SWS) của Philippin tiến hành điều tra xã hội học tôn giáo. Hai cuộc điều tra được tiến hành theo 5 chủ đề chính là: *Sự theo đạo, sự sùng đạo, hành vi tôn giáo; niềm tin tôn giáo; chuẩn mực đạo đức; tôn giáo như một thể chế; và những mối quan tâm của xã hội*. Kết quả được công bố trong bài: "Tôn giáo ở Philippin"<sup>(2)</sup>. Trong bài viết này, chúng tôi cung cấp đến bạn đọc hai nội dung của các cuộc điều tra, đó là niềm tin tôn giáo và thực hành nghi lễ tôn giáo được thể hiện qua các tiêu đề: Sự theo đạo, sự sùng đạo, hành vi tôn giáo

và niềm tin tôn giáo. Đây là hai nội dung quan trọng để đánh giá đời sống đạo của tín đồ. Chúng tôi hy vọng, qua bài viết, cung cấp cho các nhà nghiên cứu Việt Nam một cách nhìn đối sánh.

**Sự theo đạo, sự sùng đạo và hành vi tôn giáo**

*Sự theo đạo.*

Trong cả hai cuộc khảo sát, đa số những người Philippin trưởng thành - 84% năm 1991 và 85% năm 1998 - là tín đồ Công giáo (xem bảng 1). Số còn lại thuộc các nhóm tôn giáo khác, đáng chú ý là đạo Aglipay, đạo Tin Lành, đạo Iglesia ni Kristo<sup>(3)</sup> và đạo Islam. Còn lại một phần rất nhỏ - dưới 1% trong cả hai năm - tự nhận là không theo tôn giáo nào. Sự kiên trì theo đạo cũng rất mạnh đối với những người lớn thuộc cùng tín ngưỡng

\*. Viện Văn hoá - Thông tin, Bộ Văn hoá - Thông tin.  
1. Văn phòng Thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam, Niên giám 2004*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2004, tr. 176.  
2. Ricardo G. Abad. *Religion in the Philippines*. Trong: *Philippine Studies*, Volume 49/Third Quarter 2001.  
3. Đạo Aglipay và đạo Iglesia ni Kristo là hai nhánh của Kitô giáo ở Philippin. Đạo Aglipay (Giáo hội Philippin độc lập) thành lập năm 1902. Đạo Iglesia ni Kristo (Giáo hội của người Công giáo) thành lập năm 1914.

mà họ đã theo từ nhỏ. Đa số dân Philippin, 86% năm 1991 và 89% năm 1998, lớn lên đã là tín đồ Công giáo cho rằng chỉ có một tỉ lệ rất ít những người theo Công giáo từ nhỏ (2% năm 1991 và

4% năm 1998) khi lớn chuyển sang tín ngưỡng khác hay thuộc nhóm hoàn toàn không theo tôn giáo nào. Đối với các nhóm tôn giáo khác mô hình cũng tương tự như vậy.

**Bảng 1. Tôn giáo mà người trả lời đã được nuôi dạy. Khảo sát tháng 7/1991 và tháng 12/1998 của các Trạm Khảo sát không khí xã hội.**

| Hỏi: Bạn được nuôi dạy theo tôn giáo nào? |                                     |      |  |      |                  |      |                 |      |                          |      |
|---|-------------------------------------|------|--|------|------------------|------|-----------------|------|--------------------------|------|
| Theo đạo                                  | Tôn giáo hiện tại của người trả lời |      | Tôn giáo của người trả lời khi còn nhỏ |      | Tôn giáo của cha |      | Tôn giáo của mẹ |      | Tôn giáo của vợ (chồng)* |      |
|   | 1991                                | 1998 | 1991                                   | 1998 | 1991             | 1998 | 1991            | 1998 | 1991                     | 1998 |
| Công giáo                                 | 84                                  | 85   | 86                                     | 89   | 87               | 89   | 87              | 88   | 65                       | 86   |
| Aglipay                                   | 4                                   | -    | 4                                      | 1    | 4                | 1    | 4               | 1    | 2                        | 2    |
| Tin lành                                  | 3                                   | -    | 4                                      | 2    | 3                | 2    | 3               | 2    | 3                        | 2    |
| Iglesia ni Kristo                         | 3                                   | 3    | 3                                      | 2    | 2                | 2    | 2               | 1    | 2                        | 2    |
| Islam                                     | 1                                   | 3    | 1                                      | 2    | 1                | 2    | 1               | 2    | 1                        | 2    |

\* Tỉ lệ những người trả lời độc thân (chưa lập gia đình, góa bụa và sống li thân) là 24% năm 1991 và 25% năm 1998.

Một trong những nguyên nhân của sự kiên trì theo đạo là các bậc cha mẹ đã xã hội hóa con cái họ theo cùng tín ngưỡng của mình. Chẳng hạn như, cả hai năm 1991 và 1998, phần lớn các bậc cha mẹ (87% trở lên) cũng là tín đồ Công giáo. Tương tự, đa số những người trả lời theo Công giáo đã lập gia đình - 65% năm 1991 và trên 86% năm 1998 - có vợ (chồng) cũng là tín đồ Công giáo. Đối với các nhóm tôn giáo khác cũng phổ biến mô hình như vậy. Sự nội giao tôn giáo hay xu hướng lấy vợ (chồng) và theo tôn giáo của vợ (chồng) là một phong cách của cuộc sống gia đình Philippin.

#### Hành vi tôn giáo

Hành vi tôn giáo của tín đồ Công giáo ở Philippin cho thấy một mô hình pha trộn. Trong khi việc đi lễ nhà thờ và tần xuất cầu kinh từ năm 1991 đến năm 1998 giảm nhẹ ở một chừng mực nào đó, thì việc đến nhà thờ ngoài những buổi đi lễ đã tăng lên đáng kể theo thời gian.

Năm 1991, theo bảng 2, có 61% số người trả lời đi lễ nhà thờ một tuần một lần trở lên; năm 1998, tỉ lệ này giảm xuống còn 45%. Lí do có thể bắt nguồn từ sự giảm bớt việc đi lễ nhà thờ trong những năm chịu ảnh hưởng của người trả lời. Bảng 2 cũng chỉ ra rằng, khi còn nhỏ tỉ lệ những người trả lời đi lễ nhà thờ 1 lần/tuần trở lên, giảm nhẹ từ 53% năm 1991 xuống 51% năm 1998. Trong số những người cha, việc đi lễ nhà thờ thường xuyên cũng giảm từ 46% xuống 44%, còn trong số những người mẹ - người đi lễ nhà thờ nhiều hơn các ông bố, thì vẫn giữ ở mức ổn định là 54-55% theo thời gian.

Tín đồ Công giáo ở Philippin cũng cầu nguyện ít hơn trước một chút. Năm 1991, có 27% số người trả lời nói rằng họ cầu nguyện trên 1 lần/ngày; năm 1998, tỉ lệ này giảm xuống 21% (xem bảng 3). Trong khi tỉ lệ những người Philippin trưởng thành cầu nguyện tối thiểu 1 lần/ngày tăng nhẹ, từ 45% năm 1991 lên 48% năm 1998, thì tỉ lệ những người cầu nguyện dưới 1 lần/ngày cũng tăng từ 27% lên

31% theo thời gian. Đáng khuyến khích hơn là sự tham gia của những người trưởng thành vào các hoạt động và tổ chức của Giáo hội theo thời gian. Bảng 4 chỉ ra rằng, năm 1991 có 48% số người trả lời tham gia vào các hoạt động của Giáo hội ngoài những buổi đi lễ; năm 1998, con số đó tăng lên tới 77%. Sự tăng lên này xuất hiện ở một vài loại tần suất - từ 14% đến 18% đối với những người

tham gia trên 1 lần/tuần, từ 16% đến 23% đối với những người tham gia gần như hằng tuần tới 1 lần/tháng và từ 18% đến 36% đối với những người tham gia vào các hoạt động và các tổ chức của Giáo hội vài lần hay ít nhất là 1 lần/năm. Do vậy, theo thời gian, các dữ liệu cho thấy, có sự giảm nhẹ về sự sùng đạo cá nhân và mật độ tham gia các buổi đi lễ nhà thờ ngoài các nghi lễ khác đã tăng lên.

**Bảng 2. Tần số tham gia các buổi lễ tôn giáo khi còn nhỏ. Khảo sát quốc gia tháng 7/1991 và tháng 12/1998 của các Trạm Khảo sát không khí xã hội.**

| Hỏi: Khi còn nhỏ, mức độ bạn tham gia các buổi lễ tôn giáo như thế nào? |               |           |           |           |           |           |
|---|---------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Tần số  | Người trả lời |           | Cha       |           | Me        |           |
|   | 1991          | 1998      | 1991      | 1998      | 1991      | 1998      |
| <b>Dưới 1 lần/tuần</b>  | <b>47</b>     | <b>49</b> | <b>54</b> | <b>56</b> | <b>54</b> | <b>55</b> |
| Dưới 1 năm/lần  | 2             | 1         | 2         | 2         | 2         | 2         |
| Khoảng 1-2 lần/năm  | 4             | 3         | 6         | 4         | 3         | 2         |
| Vài lần /năm  | 2             | 5         | 3         | 7         | 2         | 4         |
| Khoảng 1 lần/tháng  | 10            | 11        | 13        | 11        | 9         | 8         |
| 2-3 lần/tháng   | 10            | 14        | 7         | 17        | 7         | 10        |
| Gần như hằng tuần   | 16            | 12        | 12        | 5         | 15        | 8         |
| <b>1 lần/tuần trở lên</b>   | <b>53</b>     | <b>51</b> | <b>46</b> | <b>44</b> | <b>54</b> | <b>55</b> |
| Hằng tuần   | 46            | 45        | 40        | 38        | 46        | 47        |
| Vài lần/tuần  | 7             | 6         | 5         | 6         | 7         | 8         |
| 1 lần/ngày  | 0             | -         | 0         | -         | 0         | -         |
| Vài lần/ngày  | 0             | -         | 1         | -         | 1         | -         |
| <b>Tổng số lần tham gia</b>   | <b>99</b>     | <b>97</b> | <b>89</b> | <b>90</b> | <b>92</b> | <b>95</b> |
| Không bao giờ   | 0             | 0         | 1         | 1         | 0         | 5         |
| Không nói được/Không nhớ  | 1             | 3         | 8         | 14        | 6         | 11        |

**Bảng 3. Tần số cầu kinh. Khảo sát quốc gia tháng 7/1991 và tháng 12/1998 của các Trạm Khảo sát không khí xã hội.**

| Hỏi: Bao nhiêu lâu bạn cầu kinh một lần? |      |            |      |                 |      |
|--|------|------------|------|-----------------|------|
| Trên 1 lần/ngày                          |      | 1 lần/ngày |      | Dưới 1 lần/ngày |      |
| 1991                                     | 1998 | 1991       | 1998 | 1991            | 1998 |
| 27                                       | 21   | 45         | 48   | 27              | 31   |

**Bảng 4. Mức độ tham gia vào các hoạt động/ tổ chức ở nhà thờ ngoài việc đi lễ. Khảo sát quốc gia tháng 7/1991 và tháng 12/1998 của các Trạm Khảo sát không khí xã hội.**

| Hỏi: Ngoài việc đi lễ bạn tham gia vào các hoạt động hay tổ chức ở nhà thờ của bạn bao nhiêu lâu một lần? |         |      |
|---|---------|------|
| Tần số  | Tổng số |      |
|   | 1991    | 1998 |
| Dưới 1-lần/năm  | 6       | 15   |
| 1-2 lần/năm   | 9       | 10   |

|                             |           |           |
|-----------------------------|-----------|-----------|
| Vài lần/năm                 | 3         | 11        |
| Khoảng 1 lần/tháng          | 9         | 12        |
| 2-3 lần/tháng               | 4         | 6         |
| Gần như hằng tuần           | 3         | 5         |
| Hằng tuần                   | 9         | 14        |
| Vài lần/tuần                | 5         | 4         |
| 1 lần/ngày                  | 0         | 0         |
| Vài lần/ngày                | 0         | 0         |
| <b>Tổng số lần tham gia</b> | <b>48</b> | <b>77</b> |
| Không bao giờ               | 42        | 24        |
| Không nói được/Không nhớ    | 10        | 6         |

### Tự đánh giá mức độ sùng đạo

Tuy nhiên, tín đồ Công giáo ở Philippin nói chung vẫn tự nhận mình là những người sùng đạo. Khi được yêu cầu mô tả mức độ sùng đạo của mình, đa số tín đồ - 4/5 số người trưởng thành - tự cho họ là những người sùng đạo (xem bảng 5). Trong khi tỉ lệ những người nói là họ hơi sùng đạo giảm từ 84% năm 1991 xuống 81% năm 1998, và trong khi khoảng cách biệt (hay sự khác biệt giữa những người tự đánh giá mình là sùng đạo và những người nói là họ không sùng đạo) giảm từ +77 xuống +75 thì những con số của năm 1998 vẫn đủ lớn để kết luận rằng, nhìn chung, tín đồ Công giáo ở Philippin thấy họ về cơ bản là những người sùng đạo.

**Bảng 5. Sự tự đánh giá của người trả lời về mức độ sùng đạo của họ. Khảo sát quốc gia tháng 7/1991 và tháng 12/1998 của các Trạm Khảo sát không khí xã hội**

| Hỏi: Bạn sẽ cho mình là...?                         |            |            |
|---|------------|------------|
|   | 1991       | 1998       |
| <b>Sùng đạo</b>                                     |            |            |
| Cực kì sùng đạo                                     | 6          | 8          |
| Rất sùng đạo  | 28         | 17         |
| Hơi sùng đạo  | 50         | 56         |
| Không sùng đạo nhưng cũng không phải không sùng đạo | 10         | 11         |
| <b>Không sùng đạo</b>                               |            |            |
| Có phần không sùng đạo                              | 4          | 5          |
| Rất không sùng đạo                                  | 2          | 1          |
| Cực kì không sùng đạo                               | 1          | 0.4        |
| <b>Khoảng cách biệt</b>                             | <b>+77</b> | <b>+75</b> |

### Tin vào Chúa và Kinh Thánh

Bảng 6 đưa ra hai câu khẳng định niềm tin vào Chúa và người trả lời được yêu cầu đánh giá họ tán thành hay không tán thành từng câu khẳng định đó. Câu

### Niềm tin tôn giáo

Sự trung thành với niềm tin tôn giáo bao gồm một chỉ số về sự sùng đạo, ít nhất là sùng đạo chính thống. Ngoài ra, mức độ trung thành theo thời gian có thể được sử dụng để tìm ra những thay đổi về sự sùng đạo. Vì lí do đó nên khảo sát quốc gia của các Trạm Khảo sát không khí xã hội bao gồm một số mục về niềm tin tôn giáo có thể được phân loại như sau: Tin vào Chúa và Kinh Thánh, tin vào các khái niệm tôn giáo, tin vào cuộc sống và số phận, và tin vào các thế lực siêu nhiên. Về những điểm này, các dữ liệu cho thấy, nhìn chung, số tín đồ trưởng thành vẫn tăng lên trong hai giai đoạn trên.

thứ nhất nói: "Có một Chúa Trời tham gia vào mọi việc của từng cá nhân con người". Đa số người trả lời - 79% năm 1991 và 88% năm 1998 - rất tán thành hoặc tán thành với câu khẳng định này và tạo nên những khoảng cách tương đối

xa là +86 và +84 qua hai thời kỳ. Đáng chú ý là sự gia tăng tỉ lệ những người Philippin trưởng thành “rất tán thành” với câu nói trên, từ 28% năm 1991 lên gần gấp đôi là 51% năm 1998. Câu khẳng định thứ hai “*Đối với tôi, cuộc sống có ý nghĩa chỉ vì có Chúa tồn tại*” cũng thu hút được đa số - 79% năm 1991 và 74% năm 1998 - tán thành. Bất chấp tỉ lệ này

giảm 5% qua thời gian và bất chấp khoảng cách biệt giữa số người tán thành và số người không tán thành thấp hơn từ +74 xuống +61%, số người tin rằng, Chúa làm cho cuộc sống có ý nghĩa vẫn tương đối đồng. Cũng lưu ý về sự gia tăng đáng kể tỉ lệ người “rất tán thành” với câu nói này, từ 18% năm 1991 lên gần gấp đôi là 34% năm 1998.

**Bảng 6. Các câu kiểm tra về niềm tin vào Chúa. Khảo sát quốc gia tháng 7/1991 và tháng 12/1998 của các Trạm Khảo sát không khí xã hội**

| Câu kiểm tra và năm   | Trả lời       |           |                  |                 |                     |                        |
|---|---------------|-----------|------------------|-----------------|---------------------|------------------------|
|   | Rất tán thành | Tán thành | Không quyết định | Không tán thành | Rất không tán thành | Khoảng cách tán thành* |
| <i>“Có một Chúa Trời luôn tham gia vào mọi việc của từng cá nhân con người”</i> |               |           |                  |                 |                     |                        |
| 1991  | 28            | 51        | 8                | 3               | 0                   | +86                    |
| 1998  | 51            | 37        | 7                | 3               | 1                   | +82                    |
| <i>“Đối với tôi, cuộc sống có ý nghĩa chỉ vì có Chúa tồn tại”</i>               |               |           |                  |                 |                     |                        |
| 1991  | 18            | 61        | 16               | 5               | 0                   | +74                    |
| 1998  | 34            | 40        | 13               | 11              | 2                   | +61                    |

\* *Khoảng cách tán thành = Rất tán thành và Tán thành trừ đi Không tán thành và Rất không tán thành.*

Do vậy, tín đồ Công giáo ở Philippin nói chung vẫn khao khát theo đạo nhất thần. Tuy nhiên, năm 1998, có thêm một số người nghi ngờ về sự tồn tại của Chúa. Các khảo sát của các Trạm Khảo sát không khí xã hội yêu cầu những người trả lời “*Hãy chỉ rõ câu nói nào gần gũi nhất với việc thể hiện rằng họ tin vào Chúa.*” Những câu nói này xuất hiện trong bảng 7 cùng với những tỉ lệ phần trăm tương ứng. Các con số cho thấy rằng, đa số trong cả hai thời kỳ, 86% năm 1991 và 78% năm 1998, tin rằng “*Tôi biết là có Chúa tồn tại và tôi không nghi ngờ gì về điều đó.*” Tuy nhiên, chúng cũng chỉ ra sự giảm xuống 8% qua hai thời kỳ. Đồng thời, người ta cũng lưu ý về sự tăng 5%, từ 9% năm 1991 lên 14% năm 1998 tỉ lệ người nói rằng “*Khi tôi*

*nghi ngờ thì tôi phát hiện ra là tôi quả thực đã tin vào Chúa.*” Tuy vậy, cả hai nhóm vẫn là những người tin có Chúa và cùng hình thành nên đa số những người tin vào Chúa, 95% năm 1991 và 92% năm 1998.

Niềm tin này tồn tại một cách bền vững. Khi được hỏi “*Câu nói nào mô tả rõ nhất niềm tin vào Chúa của bạn*” thì đa số trong cả hai thời kỳ, 94% năm 1991 và 91% năm 1998, theo câu nói “*Hiện giờ tôi tin vào Chúa và từ trước tới nay tôi vẫn luôn tin như vậy.*” Tuy nhiên, những người nói “*Hiện nay tôi không tin vào Chúa và từ trước tới nay tôi chẳng bao giờ tin vào Chúa cả*” chỉ tăng 1%, từ 2% năm 1991 lên 3% năm 1998.

**Bảng 7. Niềm tin vào Chúa. Khảo sát quốc gia tháng 7/1991 và tháng 12/1998 của các Trạm Khảo sát không khí xã hội**

| Hỏi: <i>Hãy chỉ rõ câu nói nào dưới đây thể hiện rõ nhất niềm tin vào Chúa của bạn?</i> |      |      |
|---|------|------|
| Câu nói   | 1991 | 1998 |
|   |      |      |

|   |      |      |
|---|------|------|
| Tôi không tin vào Chúa.   | 0,4  | 1    |
| Tôi không biết là có Chúa hay không và tôi không tin là có cách nào để biết được điều đó. | 0,2  | 1    |
| Tôi không tin vào chính Chúa Trời nhưng tôi tin vào một thế lực nào đó cao hơn.           | 3    | 4    |
| Tôi thấy có lúc tôi tin vào Chúa nhưng những lúc khác lại không tin.                      | 2    | 3    |
| Trong khi nghi ngờ tôi cảm thấy mình quả thực đã tin vào Chúa.                            | 9    | 14   |
| Tôi biết Chúa thực sự tồn tại và tôi không nghi ngờ gì điều đó.                           | 86   | 78   |
| <i>Hỏi: Câu nói nào mô tả rõ nhất niềm tin của bạn vào Chúa?</i>                          |      |      |
| <i>Câu nói</i>  | 1991 | 1998 |
| Hiện nay tôi không tin vào Chúa và từ trước tới nay tôi không bao giờ tin vào điều đó.    | 2    | 3    |
| Hiện nay tôi không tin vào Chúa nhưng trước đây tôi đã từng tin.                          | 1    | 2    |
| Hiện nay tôi tin vào Chúa nhưng trước đây tôi đã từng không tin.                          | 3    | 3    |
| Hiện nay tôi tin vào Chúa và từ trước tới nay tôi luôn luôn tin vào điều đó.              | 94   | 91   |

Ấn tượng để lại nói chung, tín đồ Công giáo ở Philippin là những người sùng đạo. Vào năm 1998, sự sùng đạo này được đổi mới bằng tinh thần chính thống, đặc biệt trong niềm tin vào sự diễn giải theo nghĩa đen của Kinh Thánh. Bảng 8 cho thấy rằng, năm 1991 có 55% số người trả lời nói rằng “*Kinh Thánh thực sự là lời của Chúa và nó được lặp lại nguyên xi từng câu từng chữ.*” Năm 1998, con số đó tăng lên 72% hay 17%. Sự đánh giá tự do hơn rằng Kinh Thánh là “*lời Chúa mách bảo chứ không phải là mọi điều phải theo nguyên văn từng câu từng chữ*” giảm từ 26% xuống 15% qua thời gian. Sự giảm xuống tương tự từ 16% xuống 9% cũng được thấy ở quan điểm phi Công giáo là “*Kinh Thánh là một cuốn sách cổ về các truyện ngụ ngôn, truyền thuyết, lịch sử và những giáo lí được con người ghi chép lại.*”

#### *Niềm tin vào các khái niệm tôn giáo*

Sự nổi lên của trào lưu chính thống có thể giải thích sự trung thành hơn với những khái niệm Công giáo. Bảng 9 trình bày tỉ lệ người trưởng thành tin hay không tin vào những khái niệm này. Bốn trong số những niềm tin đó là tin có cuộc sống sau khi chết, có Thiên Đàng, có Địa Ngục, và có những phép màu tôn giáo. Các con số cho thấy tỉ lệ những người “tin chắc” vào từng khái niệm này tăng lên và những người không tin giảm xuống. Năm 1991, chỉ có 31% số người trả lời tin là có cuộc sống sau khi chết; năm 1998, con số này tăng lên tới 64%. Có sự tăng lên tương tự đối với việc tin là có Thiên Đàng (từ 38% lên 76%), có Địa Ngục (từ 26% lên 62%) và có những phép màu tôn giáo (từ 25% lên 43%). Do đó, tín đồ Công giáo ở Philippin có vẻ trở nên chính thống hơn trong niềm tin của họ.

**Bảng 8. Niềm tin vào Kinh Thánh. Khảo sát quốc gia tháng 7/1991 và tháng 12/1998 của các Trạm Khảo sát không khí xã hội**

|  |      |      |
|--|------|------|
| <i>Hỏi: Câu nói nào dưới đây mô tả rõ nhất cảm giác của bạn về Kinh Thánh?</i>                 |      |      |
| <i>Câu nói</i>   | 1991 | 1998 |
| Kinh Thánh thực sự là lời của Chúa và nó được ghi lại nguyên văn từng câu, từng chữ.           | 55   | 72   |
| Kinh Thánh là lời của Chúa mách bảo chứ không phải được ghi lại nguyên văn từng câu, từng chữ. | 26   | 15   |
| Kinh Thánh là một cuốn sách cổ về các truyện ngụ ngôn,   |      |      |

|   |    |   |
|---|----|---|
| truyền thuyết, giáo lí đạo đức do con người ghi chép lại. | 16 | 9 |
| Điều này không làm tôi quan tâm.                          | 2  | 2 |
| Không thể chọn được.                                      | 1  | 3 |

**Bảng 9. Niềm tin vào các khái niệm tôn giáo đặc trưng. Khảo sát tháng 7/1991 và tháng 12/1998 của các Trạm Khảo sát không khí xã hội**

| Hỏi: Bạn có tin rằng có... không? |               |      |           |      |                 |      |                     |      |
|-----------------------------------|---------------|------|-----------|------|-----------------|------|---------------------|------|
|                                   | Trả lời       |      |           |      |                 |      |                     |      |
|                                   | Tin chắc chắn |      | Có lẽ tin |      | Có lẽ không tin |      | Chắc chắn không tin |      |
|                                   | 1991          | 1998 | 1991      | 1998 | 1991            | 1998 | 1991                | 1998 |
| Cuộc sống sau khi chết            | 31            | 64   | 43        | 21   | 16              | 7    | 6                   | 6    |
| Thiên Đàng                        | 38            | 76   | 53        | 19   | 6               | 2    | 3                   | 1    |
| Địa Ngục                          | 26            | 62   | 50        | 23   | 12              | 8    | 10                  | 5    |
| Các phép màu tôn giáo             | 25            | 43   | 54        | 31   | 12              | 12   | 6                   | 11   |

*Tin vào cuộc sống và số phận*

Tính chính thống tôn giáo giữ một vị trí tích cực trong cuộc sống. Bảng 6 cho thấy rằng, mặc dù có 52% tín đồ Công giáo ở Philippin trong cả hai năm 1991 và 1998 tán thành hay rất tán thành rằng "Có ít người có thể làm thay đổi quá trình sống của họ", số đông trong số này nói rằng, cuộc sống có ý nghĩa khi con người làm điều gì đó cho nó. Phát hiện

này là nhất quán trong cả hai khảo sát và trong một số trường hợp nó cho thấy cường độ mạnh hơn qua thời gian. Câu nói "Cuộc sống chỉ có ý nghĩa nếu chính bạn cho nó ý nghĩa" đã tìm được sự tán thành của 77% năm 1991 và 74% năm 1998. Tiếp theo, câu nói "Mỗi người trong chúng ta tự làm nên số phận của mình" nhận được sự tán thành của 64% năm 1991 và 70% năm 1998.

**Bảng 10. Tin vào cuộc sống và số phận. Khảo sát quốc gia tháng 7/1991 và tháng 12/1998 của các Trạm Khảo sát không khí xã hội**

| Câu kiểm tra và năm   | Trả lời       |           |                  |                 |                     |     | Khoảng cách biệt của mức độ tán thành* |
|---|---------------|-----------|------------------|-----------------|---------------------|-----|--|
|   | Rất tán thành | Tán thành | Không quyết định | Không tán thành | Rất không tán thành |     |  |
| 1. "ít người có thể thay đổi được quá trình sống của mình"  |               |           |                  |                 |                     |     |  |
| 1991  | 6             | 46        | 22               | 26              | 1                   | +25 |  |
| 1998  | 16            | 36        | 17               | 25              | 6                   | +25 |  |
| 2. "Theo tôi, cuộc sống không nhằm mục đích gì."            |               |           |                  |                 |                     |     |  |
| 1991  | 2             | 16        | 15               | 2               | 16                  | -50 |  |
| 1998  | 3             | 10        | 12               | 47              | 28                  | -62 |  |
| 3. "Cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi chính bạn cho nó ý nghĩa." |               |           |                  |                 |                     |     |  |
| 1991  | 11            | 66        | 16               | 6               | 0                   | +71 |  |
| 1998  | 31            | 43        | 13               | 10              | 2                   | +62 |  |
| 4. "Mỗi chúng ta tự làm nên số phận của mình."              |               |           |                  |                 |                     |     |  |
| 1991  | 10            | 54        | 18               | 16              | 47                  | +1  |  |
| 1998  | 34            | 36        | 14               | 11              | 5                   | +55 |  |

\* Khoảng cách biệt về mức độ tán thành = Rất tán thành và Tán thành trừ đi Không tán thành và Rất không tán thành.

### Tin vào các hiện tượng siêu nhiên

Việc cho rằng tín đồ Công giáo ở Philippin mê tín và thiên về tin vào các hiện tượng siêu nhiên là bình thường. Trong khi điều này được xem là do giao lưu văn hóa, có nghĩa là khi so sánh tín đồ Công giáo ở Philippin với công dân của các nước phương Tây thì các tỉ lệ phần trăm không cao như người ta vẫn mong đợi. Trong cả hai thời kì, theo như bảng 11 cho thấy, chỉ có khoảng 1/3 số người trả lời trưởng thành coi là đúng khi tin rằng số tử vi có thể ảnh hưởng tới tương lai (31% năm 1991, 32% năm 1998), rằng thầy tướng số thực sự biết trước được tương lai (29% và 34%), hoặc những bùa ngải cầu may sẽ mang lại sự may mắn (30% và 36%). Có một ngoại lệ duy nhất là nhóm tương đối lớn hơn tin rằng người

chữa bệnh theo tín ngưỡng có sức mạnh thiên phú, với 51% năm 1991 và 53% năm 1998 tin điều đó là đúng. Tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp này thì tỉ lệ phần trăm cũng không quá lớn. Song, hãy lưu ý rằng, tỉ lệ phần trăm tăng lên trong tất cả các mục này theo thời gian.

Do vậy, mặc dù có yếu tố mê tín trong sự sùng đạo của tín đồ Công giáo ở Philippin, nhưng điều quan trọng hơn nhiều là họ tin rằng con người tự làm nên số phận của mình và cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi người ta mang lại cho nó ý nghĩa. Niềm tin này đi kèm với niềm tin rằng Chúa tồn tại, niềm tin chính thống vào Kinh Thánh và niềm tin vào các khái niệm tôn giáo. Đây là đặc trưng cho sự sùng đạo của tín đồ Công giáo ở Philippin.

**Bảng 11. Niềm tin vào các hiện tượng siêu nhiên. Khảo sát quốc gia tháng 7/1991 và tháng 12/1998 của các Trạm Khảo sát không khí xã hội**

| Câu kiểm tra   | Hoàn toàn đúng |      | Có lẽ đúng |      | Hoàn toàn không đúng |      | Có lẽ không đúng |      |
|--|----------------|------|------------|------|----------------------|------|------------------|------|
|  | 1991           | 1998 | 1991       | 1998 | 1991                 | 1998 | 1991             | 1998 |
| "Một số người chữa bệnh theo tín ngưỡng có khả năng thiên phú"                                       | 6              | 13   | 45         | 40   | 26                   | 19   | 21               | 25   |
| "Sao chiếu mệnh lúc mới sinh hay số tử vi của một người có thể ảnh hưởng tới tương lai của người đó" | 4              | 7    | 28         | 25   | 36                   | 25   | 30               | 40   |
| "Một số thầy tướng số thật sự biết trước tương lai"  | 3              | 6    | 26         | 28   | 38                   | 24   | 22               | 39   |
| "Bùa hộ mệnh đôi khi cũng mang lại may mắn"  | 4              | 6    | 24         | 30   | 38                   | 23   | 31               | 38   |

Sự thể hiện niềm tin của các tín đồ Công giáo ở Philippin qua các nghi lễ dân

gian không được đưa vào bảng hỏi trong các cuộc điều tra xã hội học tôn giáo nói trên./.

| Câu hỏi | 1991 | 1998 |
|---------|------|------|
| 1+      | 10   | 10   |
| 2+      | 34   | 34   |